

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Như Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Như Hà	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Đoàn Nam Anh	Ủy viên
Ông Phùng Ngọc Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Bá Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Tài	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hiền Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kiên Hùng	Phó Tổng Giám đốc

*Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:*

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc đã phân ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



**Lê Văn Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

Số: 095 /VACO/BCKIT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 16 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 28 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác; báo cáo số 212/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 18/03/2019 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Bùi Ngọc Bình**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020*

A blue ink signature of Đặng Thị Minh Hạnh, written over a horizontal line.

**Đặng Thị Minh Hạnh**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3290-2020-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>54.345.344.136</b>	<b>72.554.947.971</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>11.158.487.778</b>	<b>11.862.945.804</b>
1. Tiền	111		1.458.487.778	6.512.945.804
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.700.000.000	5.350.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.600.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	3.600.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.203.299.381</b>	<b>50.052.431.014</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.190.250.855	35.130.525.158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.610.521.470	1.852.199.762
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	12.573.239.674	13.069.706.094
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(170.712.618)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>4.115.085.929</b>	<b>9.551.536.716</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.115.085.929	9.551.536.716
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>268.471.048</b>	<b>1.088.034.437</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	161.034.455	636.845.727
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	15.081.796
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	107.436.593	436.106.914
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>42.254.860.722</b>	<b>38.171.247.485</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.513.519.291</b>	<b>19.511.442.955</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	21.978.975.797	18.801.826.601
- Nguyên giá	222		27.177.537.167	22.978.526.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.198.561.370)	(4.176.700.144)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	534.543.494	709.616.354
- Nguyên giá	228		1.090.797.838	1.090.797.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(556.254.344)	(381.181.484)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.907.146.099</b>	<b>12.264.946.832</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	12.907.146.099	12.264.946.832
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>6.394.752.541</b>	<b>6.394.857.698</b>
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		4.175.749.605	4.175.749.605
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.375.000.000	2.375.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(155.997.064)	(155.891.907)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>439.442.791</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	439.442.791	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>96.600.204.858</b>	<b>110.726.195.456</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>39.464.538.469</b>	<b>53.187.374.258</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.464.538.469</b>	<b>53.187.374.258</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	2.931.327.633	3.935.074.418
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	15.311.757.582	15.705.407.650
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	522.008.531	-
4. Phải trả người lao động	314		5.054.782.777	8.034.843.244
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		660.617.727	520.471.750
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		25.300.000	40.316.587
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	13.405.133.099	22.741.649.489
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.553.611.120	2.209.611.120
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>57.135.666.389</b>	<b>57.538.821.198</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>57.125.666.389</b>	<b>57.528.821.198</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.754.235	28.754.235
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.580.149.036	14.080.149.036
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.516.763.118	7.419.917.927
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.899.917.927	1.675.758.269
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.616.845.191	5.744.159.658
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		10.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>96.600.204.858</b>	<b>110.726.195.456</b>
(440 = 300 + 400)				



Lê Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

Ngô Lan Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo  
Người lập biểu





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		125.841.044.454	130.204.554.686
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	22	125.841.044.454	130.204.554.686
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	111.448.645.865	114.688.928.502
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.392.398.589	15.515.626.184
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.021.521.393	1.778.013.640
7. Chi phí tài chính	22	25	21.101.147	157.828.482
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10.115.404.811	10.683.952.787
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		5.277.414.024	6.451.858.555
10. Thu nhập khác	31	28	647.280.275	595.782.631
11. Chi phí khác	32	29	190.073.810	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		457.206.465	595.782.631
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.734.620.489	7.047.641.186
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.117.775.298	1.303.481.528
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		4.616.845.191	5.744.159.658
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.282,46	1.401,16



  
Lê Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

  
Ngô Lan Phương  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thảo  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.734.620.489</b>	<b>7.047.641.186</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.196.934.086	1.001.970.970
- Các khoản dự phòng	03	170.817.775	108.437
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.013.149	1.415.455
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(996.515.610)	(1.684.437.996)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>6.106.869.889</b>	<b>6.366.698.052</b>
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	15.087.089.253	(10.396.435.657)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	5.436.450.787	3.129.934.047
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.061.444.609)	1.026.429.108
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	36.368.481	(360.899.836)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.188.084.599)	(1.910.821.170)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.356.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11.061.249.202</b>	<b>(2.145.095.456)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.841.209.689)	(7.686.416.411)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.600.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	-	1.058.400.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	996.515.610	1.508.037.996
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.444.694.079)</b>	<b>(5.119.978.415)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.320.000.000)	(5.760.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.320.000.000)</b>	<b>(5.760.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(703.444.877)</b>	<b>(13.025.073.871)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>11.862.945.804</b>	<b>24.889.435.130</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.013.149)	(1.415.455)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>11.158.487.778</b>	<b>11.862.945.804</b>



**Lê Văn Tuấn**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

**Ngô Lan Phương**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thảo**  
Người lập biểu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một bộ phận của Viện Thiết kế Quy hoạch Thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội Thiết kế Công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch Thành phố thuộc Bộ Kiến trúc, Viện Thiết kế Công trình Kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp Thiết kế Cấp Thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD – TCLĐ ngày 05 tháng 05 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 04 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 05 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp Thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 30 tháng 01 năm 2019 với mã số doanh nghiệp là 0100104972.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 36.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 239 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 283 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình điện;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

#### Hoạt động chính của Công ty là:

Tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát thiết kế, quản lý dự án bao gồm: Lập và thẩm tra các báo cáo đầu tư; Dự án đầu tư xây dựng công trình; Báo cáo kinh tế kỹ thuật; Hồ sơ thiết kế, dự toán và tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về tư vấn, xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công, lắp đặt cho các công trình.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	Số 179 Đinh Tiên Hoàng, phường Dakao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	48,81%	48,81%	Tư vấn
Công ty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	48,97%	48,97%	Tư vấn
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	44,48%	44,48%	Tư vấn

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Điều 28, Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó quy định tài sản tài chính và công nợ tài chính được đánh giá lại theo giá trị hợp lý vào thời điểm lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a. Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c. Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc;

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết*

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	40
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với phần mềm máy tính được khấu hao với thời gian 05 năm.

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản phí bảo trì cho sàn tòa nhà được phân bổ dựa theo thời gian đưa vào sử dụng của TSCĐ.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm.

##### Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

##### Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

##### Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là: tư vấn, tổng thầu tư vấn, lập quy hoạch chuyên ngành, khảo sát, thiết kế, quản lý các công trình cấp nước, thoát nước dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, chất thải rắn và vệ sinh môi trường, xây dựng các công trình công ích và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	245.177.008	1.379.967.838
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.213.310.770	5.132.977.966
Các khoản tương đương tiền (i)	9.700.000.000	5.350.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.158.487.778</u></b>	<b><u>11.862.945.804</u></b>

##### Ghi chú:

- (i) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới hoặc bằng 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### 5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	3.600.000.000	-
	<b><u>3.600.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Đô thị Thành phố	4.165.799.775	10.334.653.024
Công ty CP Cấp nước Cửa Lò	3.533.432.916	380.191.547
Công ty CP Tập đoàn Ecopark	1.204.720.794	-
Công ty TNHH MTV Thoát nước PTĐT BRVT	1.079.875.535	1.079.875.535
Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội	983.806.300	4.583.186.720
Công ty TNHH HASKONING DHV Việt Nam	957.721.099	957.721.099
Công ty TNHH Long Phương	504.731.600	1.607.998.600
Các đối tượng khác	8.760.162.836	16.186.898.633
<b>Cộng</b>	<b>21.190.250.855</b>	<b>35.130.525.158</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.610.521.470</b>	<b>1.647.421.098</b>
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt Vương	840.359.784	1.449.814.270
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Năng lượng Tái Tạo	399.672.000	-
Công ty CP nước và môi trường Đông Dương	247.971.841	-
Các đối tượng khác	122.517.845	197.606.828
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>204.778.664</b>
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	-	204.778.664
<b>Cộng</b>	<b>1.610.521.470</b>	<b>1.852.199.762</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng CBCNV (i)	10.598.006.060	-	9.038.593.000	-
Phải thu khác	1.975.233.614	-	4.031.113.094	-
- Phải thu người lao động	1.112.131.817	-	1.043.053.422	-
- Phải thu về thuế TNCN	590.812.671	-	185.914.395	-
- Các khoản phải thu khác	272.289.126	-	2.802.145.277	-
<b>Cộng</b>	<b>12.573.239.674</b>	<b>-</b>	<b>13.069.706.094</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

- (i) Tiền tạm ứng là khoản tiền Công ty cho người lao động vay để thực hiện nhiệm vụ SXKD hoặc giải quyết công việc được giao theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Oriental Consultants Co., Ltd	24.206.948	-	-	-
Ông Nguyễn Viết Thành	84.049.777	-	-	-
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	2.455.893	-	-	-
Công ty CP Toàn Thịnh Phát	60.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>170.712.618</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.115.085.929	-	9.551.536.716	-
	<b>4.115.085.929</b>	<b>-</b>	<b>9.551.536.716</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>161.034.455</b>	<b>636.845.727</b>
Công cụ dụng cụ văn phòng	161.034.455	636.845.727
<b>b) Dài hạn</b>	<b>439.442.791</b>	<b>-</b>
Chi phí bảo trì sản văn phòng	439.442.791	-
	<b>600.477.246</b>	<b>636.845.727</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	6.218.887.598	5.976.143.236	242.744.362
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.123.166.478	1.123.166.478	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	916.279.132	672.786.462	243.492.670
Thuế tài nguyên	-	97.845.659	91.737.709	6.107.950
Các loại thuế khác	-	33.663.549	4.000.000	29.663.549
	<b>-</b>	<b>8.389.842.416</b>	<b>7.867.833.885</b>	<b>522.008.531</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.518.472	-	64.918.121	107.436.593
Thuế thu nhập cá nhân	393.588.442	393.588.442	-	-
<b>Cộng</b>	<b>436.106.914</b>	<b>393.588.442</b>	<b>64.918.121</b>	<b>107.436.593</b>

**Ghi chú:**

Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm 1.117.796.298 VND tiền thuế phát sinh trong năm 2019 và 5.391.180 VND tiền thuế những năm trước bị truy thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	12.373.941.440	9.822.646.658	781.938.647	22.978.526.745
Xây dựng cơ bản hoàn thành	4.024.862.126	174.148.296	-	4.199.010.422
Số dư cuối năm	<u>16.398.803.566</u>	<u>9.996.794.954</u>	<u>781.938.647</u>	<u>27.177.537.167</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	1.787.609.305	1.837.903.984	551.186.855	4.176.700.144
Khấu hao trong năm	389.022.759	567.676.943	65.161.524	1.021.861.226
Số dư cuối năm	<u>2.176.632.064</u>	<u>2.405.580.927</u>	<u>616.348.379</u>	<u>5.198.561.370</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	<u>10.586.332.135</u>	<u>7.984.742.674</u>	<u>230.751.792</u>	<u>18.801.826.601</u>
Số dư cuối năm	<u>14.222.171.502</u>	<u>7.591.214.027</u>	<u>165.590.268</u>	<u>21.978.975.797</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2019 là 692.115.348 VND (Tại ngày 01/01/2019 là 692.115.348 VND).

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	<u>1.090.797.838</u>	<u>1.090.797.838</u>
Số dư cuối năm	<u>1.090.797.838</u>	<u>1.090.797.838</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	381.181.484	381.181.484
Khấu hao trong năm	175.072.860	175.072.860
Số dư cuối năm	<u>556.254.344</u>	<u>556.254.344</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	<u>709.616.354</u>	<u>709.616.354</u>
Số dư cuối năm	<u>534.543.494</u>	<u>534.543.494</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến tại ngày 31/12/2019 là 147.991.900 VND (Tại ngày 01/01/2019 là 147.991.900 VND).

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Căn hộ MS K-07.12B thuộc Tòa nhà Novaland Kingston Residence	-	3.811.692.097
Sàn Văn phòng thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng lại Khu Tập thể cũ 97-99 Láng Hạ	12.907.146.099	8.453.254.735
<b>Cộng</b>	<u>12.907.146.099</u>	<u>12.264.946.832</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>4.175.749.605</b>	<b>-</b>	<b>(i)</b>	<b>4.175.749.605</b>	<b>-</b>	<b>(i)</b>
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	1.855.800.000	-	(i)	1.855.800.000	-	(i)
Công ty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	1.385.860.000	-	(i)	1.385.860.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	934.089.605	-	(i)	934.089.605	-	(i)
<b>b) Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>2.375.000.000</b>	<b>(155.997.064)</b>	<b>(i)</b>	<b>2.375.000.000</b>	<b>(155.891.907)</b>	<b>(i)</b>
Công ty CP Bất động sản Lilama Land	375.000.000	-	(i)	375.000.000	-	(i)
Công ty CP Bất động sản An Việt	2.000.000.000	(155.997.064)	(i)	2.000.000.000	(155.891.907)	(i)
<b>Cộng</b>	<b>6.550.749.605</b>	<b>(155.997.064)</b>	<b>(i)</b>	<b>6.550.749.605</b>	<b>(155.891.907)</b>	<b>(i)</b>

**Ghi chú:**

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính (ngoại trừ các khoản đầu tư có giá niêm yết trên thị trường). Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty được trình bày tại thuyết minh số 1 – Thông tin khái quát.

Ngoài ra tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết trong năm như sau:

- Công ty CP Nước, Môi trường và HTTK Sài Gòn: Lợi nhuận sau thuế của năm 2019 là 969.289.046 VND; Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2019 là 1.032.558.119 VND.

- Công ty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông: Lợi nhuận sau thuế của năm 2019 là 329.647.722 VND; Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2019 là 141.500.000 VND.

- Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt: Lợi nhuận sau thuế của năm 2019 là 176.958.403 VND; Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2019 là 176.958.403 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.659.646.270</b>	<b>1.659.646.270</b>	<b>2.774.757.792</b>	<b>2.774.757.792</b>
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt Vương	332.526.804	332.526.804	258.254.804	258.254.804
Công ty CP Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	647.647.184	647.647.184	1.182.112.767	1.182.112.767
Các đối tượng khác	679.472.282	679.472.282	1.334.390.221	1.334.390.221
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>1.271.681.363</b>	<b>1.271.681.363</b>	<b>1.160.316.626</b>	<b>1.160.316.626</b>
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	647.355.414	647.355.414	100.584.388	100.584.388
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	624.325.949	624.325.949	1.059.732.238	1.059.732.238
<b>Cộng</b>	<b>2.931.327.633</b>	<b>2.931.327.633</b>	<b>3.935.074.418</b>	<b>3.935.074.418</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà	5.148.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước tỉnh Lào Cai	-	-
Ban QLDA GMSII Thành phố Móng Cái	1.970.000.000	2.455.000.000
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 TP Bắc Giang	-	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng số 2 TP. Bắc Giang	1.570.416.000	4.000.000.000
Ban Quản lý TW các dự án thủy lợi	862.871.148	1.149.732.152
Các đối tượng khác	5.760.470.434	8.100.675.498
<b>Cộng</b>	<b>15.311.757.582</b>	<b>15.705.407.650</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả CBCNV nhận khoán:	13.079.002.423	19.617.396.289
Ông Nguyễn Hiền Hòa	6.278.431.697	6.833.540.806
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	2.018.066.542	3.674.877.486
Ông Vũ Thanh Đại	806.332.143	822.298.342
Bà Vũ Thị Thu Huyền	337.522.880	2.150.493.339
Ông Trịnh Xuân Thịnh	254.610.100	1.197.593.800
Ông Trần Trung Phú	-	878.032.410
Các đối tượng khác	3.384.039.061	4.060.560.106
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	326.130.676	3.124.253.200
<b>Cộng</b>	<b>13.405.133.099</b>	<b>22.741.649.489</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>28.754.235</b>	<b>7.580.149.036</b>	<b>20.825.758.269</b>	<b>64.434.661.540</b>				
Lãi trong năm	-	-	-	5.744.159.658	5.744.159.658				5.744.159.658
Trích lập quỹ	-	-	6.500.000.000	-	6.500.000.000				6.500.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(19.150.000.000)	(19.150.000.000)				(19.150.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>28.754.235</b>	<b>14.080.149.036</b>	<b>7.419.917.927</b>	<b>57.528.821.198</b>				
Lãi trong năm	-	-	-	4.616.845.191	4.616.845.191				4.616.845.191
Trích lập quỹ	-	-	500.000.000	-	500.000.000				500.000.000
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	(5.520.000.000)	(5.520.000.000)				(5.520.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>28.754.235</b>	<b>14.580.149.036</b>	<b>6.516.763.118</b>	<b>57.125.666.389</b>				

Ghi chú:

- (i) Thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số NQ số 05/NQ-ĐHCD-VIWASE Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 08 tháng 04 năm 2019. Cụ thể như sau:

Năm nay
VND
500.000.000
700.000.000
4.320.000.000
<b>5.520.000.000</b>

Trích lập quỹ đầu tư phát triển  
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi  
Chi trả cổ tức cho cổ đông

**Cộng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 30 tháng 01 năm 2019 vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Số cuối năm			Số đầu năm		
	SL cổ phiếu	VND	%	SL cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	1.272.600	12.726.000.000	35,35%	1.272.600	12.726.000.000	35,35%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.327.400	23.274.000.000	64,65%	2.327.400	23.274.000.000	64,65%
<b>Cộng</b>	<b>3.600.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>3.600.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.520.000.000	19.150.000.000

**d) Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	589,94	613,52
- EUR	235,42	247,14

**22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	112.397.613.325	122.950.735.677
Doanh thu vật tư, xây lắp, phân tích mẫu nước	12.715.467.429	6.845.793.709
Doanh thu kinh doanh nước sạch	727.963.700	408.025.300
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>125.841.044.454</b>	<b>130.204.554.686</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	98.472.565.091	107.531.344.569
Giá vốn vật tư, xây lắp và phân tích mẫu nước	12.080.190.773	6.510.090.330
Giá vốn kinh doanh nước sạch	895.890.001	647.493.603
<b>Cộng</b>	<b><u>111.448.645.865</u></b>	<b><u>114.688.928.502</u></b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	416.866.610	928.388.996
Cổ tức, lợi nhuận được chia	579.649.000	579.649.000
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.005.783	93.574.594
Lợi nhuận bán cổ phần Công ty cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	-	176.400.000
Doanh thu tài chính khác	-	1.050
<b>Cộng</b>	<b><u>1.021.521.393</u></b>	<b><u>1.778.013.640</u></b>

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.995.990	157.720.045
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	105.157	108.437
<b>Cộng</b>	<b><u>21.101.147</u></b>	<b><u>157.828.482</u></b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	4.346.254.200	4.670.797.850
Chi phí đồ dùng văn phòng	230.848.720	142.662.431
Chi phí khấu hao TSCĐ	462.282.912	430.384.012
Thuế, phí và lệ phí	168.203.447	67.591.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.792.315.863	2.871.563.875
Dự phòng phải thu khó đòi	170.712.618	-
Chi phí bằng tiền khác	1.944.787.051	2.500.952.907
<b>Cộng</b>	<b><u>10.115.404.811</u></b>	<b><u>10.683.952.787</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	896.840.780	912.791.618
Chi phí nhân công	45.252.731.510	51.471.420.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.196.934.086	831.112.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.494.431.517	7.003.140.607
Chi phí khác bằng tiền	62.286.661.996	44.108.045.335
<b>Cộng</b>	<b>116.127.599.889</b>	<b>104.326.510.578</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê căn hộ, văn phòng, thang máy...	643.766.727	592.044.686
Thu nhập khác	3.513.548	3.737.945
<b>Cộng</b>	<b>647.280.275</b>	<b>595.782.631</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền phạt thuế	190.073.810	-
<b>Cộng</b>	<b>190.073.810</b>	-

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.734.620.489</b>	<b>7.047.641.186</b>
Điều chỉnh cho các khoản:	(145.744.000)	49.415.455
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>433.905.000</i>	<i>49.415.455</i>
- Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	72.000.000	48.000.000
- Tiền phạt, truy thu thuế	190.073.810	-
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.013.149	1.415.455
- Dự phòng phải thu khó đòi	170.817.775	-
- Chi phí không được trừ khác	266	-
<i>Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(579.649.000)</i>	<i>(579.649.000)</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.588.876.489</b>	<b>6.517.407.641</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.117.775.298</b>	<b>1.303.481.528</b>

Trong năm, Công ty đã xác định các khoản chi phí không hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.616.845.191	5.744.159.658
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(700.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.616.845.191	5.044.159.658
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.282,46</b>	<b>1.401,16</b>
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do trong năm 2019, Đại hội đồng cổ đông có quyết định trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 với số tiền 700.000.000 VND

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(11.158.487.778)	(11.862.945.804)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	57.125.666.389	57.528.821.198
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.158.487.778	11.862.945.804
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.994.771.851	39.161.638.252
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.153.259.629</b>	<b>51.024.584.056</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	16.336.460.732	26.676.723.907
Chi phí phải trả	660.617.727	520.471.750
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.997.078.459</b>	<b>27.197.195.657</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo này do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### Rủi ro thị trường

##### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

##### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.758.487.778	-	14.758.487.778
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.994.771.851	-	22.994.771.851
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.753.259.629</b>	<b>-</b>	<b>37.753.259.629</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	16.336.460.732	-	16.336.460.732
Chi phí phải trả	660.617.727	-	660.617.727
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.997.078.459</b>	<b>-</b>	<b>16.997.078.459</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>20.756.181.170</b>	<b>-</b>	<b>20.756.181.170</b>

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.862.945.804	-	11.862.945.804
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.161.638.252	-	39.161.638.252
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.024.584.056</b>	<b>-</b>	<b>51.024.584.056</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	26.676.723.907	-	26.676.723.907
Chi phí phải trả	520.471.750	-	520.471.750
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.197.195.657</b>	<b>-</b>	<b>27.197.195.657</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>23.827.388.399</b>	<b>-</b>	<b>23.827.388.399</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	Công ty liên kết
Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Ngoài các số dư đã được trình bày tại Thuyết minh số 7 và số 17, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	2.319.957.000	3.621.136.300
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	1.546.494.140	1.521.201.249
<b>Bán hàng</b>		
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	107.144.015	98.817.770
Công ty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	141.424.307	126.028.835
<b>Nhận cổ tức được chia</b>		
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	278.370.000	278.370.000
Công ty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	207.879.000	207.879.000
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	93.400.000	93.400.000

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.720.003.000	1.764.430.000
	<b>1.720.003.000</b>	<b>1.764.430.000</b>

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại, cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Số kiểm toán	Số trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.401,16	1.596,00	(194,84)	[i]

**Ghi chú:**

- (i) Điều chỉnh Lãi cơ bản trên cổ phiếu do trong năm 2019, Đại hội đồng cổ đông có quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế của năm 2018.



*[Signature]*  
Lê Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

*[Signature]*  
Ngô Lan Phương  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
Nguyễn Thị Thảo  
Người lập biểu